

Bản án số: 94/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2023

V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Luân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Mỹ

2. Bà Chung Kim Sang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 300/2023/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 6 năm 2023 về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22/9/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Kim C, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: 6 N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Âu Minh T, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: 6 N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/5/2023 và lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn – chị Lê Thị Kim C trình bày: Chị và anh Âu Minh T tự quen biết, yêu thương nhau, tổ chức lễ cưới vào năm 2013, hai người đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/12/2013.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ tháng 12/2022 thì hai người thường xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống, giữa hai bên gia đình cũng có xảy ra mâu thuẫn nên thường xuyên cự cãi, bất hòa. Nguyên nhân chính là do anh T thiếu trách nhiệm làm chồng và làm cha, không quan tâm chăm sóc vợ con, thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã với gia đình nhà vợ, mặc dù chị đã cho anh T rất nhiều thời gian và cơ hội để sửa đổi nhưng anh T không chịu sửa đổi, vợ chồng sống

ly thân từ tháng 4/2023 cho đến nay. Cảm thấy không thể sống chung với nhau được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Âu Thuyền K, sinh ngày 18/10/2014, hiện đang sống chung với chị C. Chị C yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Tại bản tự khai lập ngày 14/8/2023, người con chung là Âu Thuyền Kim có ý kiến:*** Muốn được sống chung với mẹ là chị Lê Thị Kim C.

- ***Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử hôm nay, bị đơn – anh Âu Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.***

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn – chị Lê Thị Kim C yêu cầu ly hôn, nuôi con chung đối với bị đơn – anh Âu Minh T nên quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các đương sự tranh chấp về quan hệ hôn nhân, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[3] Bị đơn – anh Âu Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – chị Lê Thị Kim C yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt bị đơn – anh Âu Minh T.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu ly hôn: Chị C, anh T tự quen nhau, sau đó quyết định tiến tới hôn nhân, hai người đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/12/2013; như vậy, việc kết hôn của chị C và anh T đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Qua lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị C cho rằng trong quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống, giữa hai bên gia đình cũng có xảy ra mâu thuẫn nên thường xuyên cự cãi, bất hòa, nguyên nhân chính là do anh T thiếu trách nhiệm làm chồng và làm cha, không quan tâm chăm sóc vợ con, thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã với gia đình

nhà vợ, mặc dù chị đã cho anh T rất nhiều thời gian và cơ hội để sửa đổi nhưng anh T không chịu sửa đổi. Căn cứ theo quy định tại Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng, nguyên đơn – chị C đã chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, bị đơn – anh T không có mặt theo văn bản tố tụng, giấy triệu tập hợp lệ của Tòa án cũng như ý kiến bằng văn bản liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mặc dù đã được Tòa án thực hiện cấp tổng đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C.

[2] Về con chung: Chị C yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng người con chung tên Âu Thuyên K, sinh ngày 18/10/2014, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu này là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cũng như ý chí nguyện vọng của con chung, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn – chị Lê Thị Kim C.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn – chị Lê Thị Kim C phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng mà chị C đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007607, ngày 30/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá nên chị C không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – chị Lê Thị Kim C, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kim C được ly hôn với anh Âu Minh T.

- Về con chung: Giao người con chung tên Âu Thuyên K, sinh ngày 18/10/2014 cho chị Lê Thị Kim C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên, do chị Lê Thị Kim C không yêu cầu anh Âu Minh T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp anh T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn – chị Lê Thị Kim C phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng mà chị C đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007607, ngày 30/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá nên chị C không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- UBND P. Vĩnh Hiệp, TP. Rạch Giá, Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đào Đức Luân